TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 1 - ĐỒNG THÁP**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 360/2026/DS-ST

Ngày: 28 – 7 - 2026

V/v tranh chấp "Hợp đồng vay tài sản"

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 1 - ĐỒNG THÁP

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:* Ông Nguyễn Văn Thưa.

- *Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Bà Phạm Thị Ngọc Vân;

2. Bà Lê Thị Bé Bảy.

- *Thư ký phiên tòa:* Ông Nguyễn Văn Trạng – Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 1 - Đồng Tháp.

Ngày 28 tháng 7 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 1 - Đồng Tháp xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 289/2026/TLST-DS ngày 07 tháng 5 năm 2026 về tranh chấp *"Hợp đồng vay tài sản"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 364/2026/QĐXX-ST ngày 11 tháng 6 năm 2026 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 403/2026/QĐST-DS ngày 01 tháng 7 năm 2026, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Anh **Nguyễn Văn N**, sinh năm 1975; CCCD số: 044075015161; Địa chỉ: số A ấp C, xã A, tỉnh Tây Ninh.

* *Đại diện theo ủy quyền*: Chị Huỳnh Hoàng P, sinh năm 1985; CCCD số: 079185033491; Địa chỉ: 1 H, phường Đ, tỉnh ĐồngTháp. (có mặt)

(Theo văn bản ủy quyền ngày 07/4/2026)

2. Bị đơn:

2.1. Bà **Đặng Thị K**, sinh năm 1960; CCCD số: 082160009242; Địa chỉ: ấp T, xã C, tỉnh Đồng Tháp. (có mặt)

2.2. Chị **Hoàng Thắm H**, sinh năm 1983; CCCD số: 082183000586; Địa chỉ: số A đường số D, khu phố F, T, phường T, Thành phố Hồ Chí Minh. (có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Tại đơn khởi kiện, bản tự khai, quá trình tố tụng đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn anh Nguyễn Văn N trình bày*:

Anh N có cho bà K, chị H vay nhiều lần, thỏa thuận lãi suất 2.5%/tháng, trả lãi hàng tháng, trong vòng 12 tháng sẽ trả lại vốn. Khi cho vay anh N có giữ của bà K 01 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số DG 19612, thửa đất số 325, tờ bản đồ số 30, diện tích 319,4m^2 tại ấp T, xã L, huyện C, tỉnh Tiền Giang (nay là xã C, tỉnh Đồng Tháp) do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh T cấp ngày 06/6/2022. Đến ngày 20/5/2024 bà K, chị H tổng kết lại còn nợ anh N số tiền 665.700.000 đồng, có làm biên nhận và giấy cam kết trả nợ ngày 20/5/2024. Tuy nhiên sau khi làm giấy cam kết thì bà K, chị H không thực hiện việc trả tiền theo thỏa thuận. Do quyền lợi bị xâm phạm nên anh N yêu cầu bị đơn bà K, chị H trả cho anh số tiền 657.00.000 đồng tiền vốn và lãi suất 1.66%/tháng từ ngày 20/5/2024 đến ngày xét xử. Tổng cộng là 924.660.000 đồng.

** Tại bản tự khai, quá trình tố tụng bị đơn bà Đặng Thị K, chị Hoàng Thắm H trình bày:*

Thống nhất còn nợ lại anh N 924.660.000 đồng, xin trả dần do hoàn cảnh khó khăn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Bị đơn có nơi cư trú tại xã C nên căn cứ vào khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 1 - Đồng Tháp.

[2]. Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Nguyên đơn khởi kiện bị đơn để tranh chấp tiền nợ vay. Căn cứ vào Điều 463 Bộ luật Dân sự nên quan hệ pháp luật là tranh chấp "Hợp đồng vay tài sản".

[3]. Về nội dung vụ án:

Anh N yêu cầu bị đơn bà K, chị H trả cho anh tổng cộng số tiền vốn và lãi là 924.660.000 đồng. Bị đơn bà K, chị H đồng ý trả cho anh N 924.660.000 đồng nhưng xin trả dần do hoàn cảnh khó khăn.

Hội đồng xét xử nhận thấy giao dịch vay tiền giữa các bên đương sự trong vụ án là có thật, thể hiện qua biên nhận nợ và giấy cam kết trả nợ ngày 20/5/2024 của bà K, chị H ký tên mà nguyên đơn đã cung cấp. Trong biên nhận thể hiện bị đơn còn nợ lại 665.700.000 đồng.

Đối với yêu cầu tính lãi suất, Hội đồng xét xử nhận thấy do khi các bên xác lập giao dịch vay tiền có thỏa thuận lãi suất, cho nên việc anh N yêu cầu tính lãi suất 1.66%/tháng từ tháng 5/2024 đến tháng 8/2026 với số tiền 258.960.000 đồng là có cơ sở, phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 468 Bộ luật Dân sự nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Xét thấy số tiền trên bà K, chị H nợ đã lâu, khi vay tiền các bên đã thỏa thuận trong vòng 12 tháng sẻ trả tiền vốn, trả tiền lãi hàng tháng. Tuy nhiên bà K, chị H đã không trả tiền cho anh N đúng quy định, nên đã vi phạm thỏa thuận giữa các bên, vi phạm nghĩa vụ trả nợ của bên vay tài sản theo Điều 466 Bộ luật Dân sự. Việc bị đơn xin trả dần là cố tình kéo dài thời gian trả nợ, xâm phạm đến quyền và lợi ích hợp pháp của anh N. Do bị đơn là người có lỗi, cho nên anh N yêu cầu trả hết số tiền 924.660.000 đồng là có cơ sở.

Đối với 01 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số DG 19612, thửa đất số 325, tờ bản đồ số 30, diện tích 319,4m^2 tại ấp T, xã L, huyện C, tỉnh Tiền Giang (nay là xã C, tỉnh Đồng Tháp) do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh T cấp ngày 06/6/2022. Tại phiên tòa anh N đồng ý trả lại cho bà K nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của anh N.

[5]. Về án phí: Chị H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội. Bà K được miễn án phí dân sự sơ thẩm do là người cao tuổi.

[6]. Về quyền kháng cáo của đương sự: Được thực hiện theo quy định tại các Điều 271 và 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 266, Điều 271, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Khoản 2 Điều 1 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Các Điều 357, 463, 466, 468 Bộ luật Dân sự;

- Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Nguyễn Văn N.

Buộc bà Đặng Thị K, chị Hoàng Thắm H có nghĩa vụ trả cho anh N tổng cộng 924.660.000 đồng sau khi án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu phần tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự tương ứng thời gian chưa thi hành án.

Anh Nguyễn Văn N có nghĩa vụ trả lại cho bà Đặng Thị K 01 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số DG 19612 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh T cấp ngày 06/6/2022, thời gian thực hiện sau khi án có hiệu lực pháp luật.

3. Về án phí:

- Chị Hoàng Thắm H phải chịu 19.869.900 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

- Bà Đặng Thị K được miễn án phí dân sự sơ thẩm do là người cao tuổi.

- H1 lại cho anh Nguyễn Văn N số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 19.272.000 đồng theo biên lai thu tiền số 0006820 ngày 07 tháng 5 năm 2026 của Thi hành án dân sự tỉnh Đồng Tháp.

4. Về quyền kháng cáo: Trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm, đương sự có quyền kháng cáo bản án để yêu cầu Toà án nhân dân tỉnh Đồng Tháp xét xử phúc thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6,7,7a,7b và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Nguyễn Văn Thưa

Nơi nhận:
- TAND tỉnh ĐT;
- VKSND tỉnh ĐT;
- THADS tỉnh ĐT;
- VKSND KV1 - ĐT;
- Các đương sự;
- Lưu HS, AV.